

Bản án số: 03/2019/HS-ST
Ngày 05 - 3 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Công và ông Ksor Thiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng, thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hà, Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/QĐXXST-HS ngày 14/01/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị B, sinh ngày 22 tháng 02 năm 1969 tại huyện T, tỉnh Q; nơi cư trú: Buôn C, xã C, thị xã A, tỉnh G; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn N (đã chết) và bà Tạ Thị Đ; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nay N, sinh năm 1976

Trú tại: Buôn C, xã C, thị xã A, tỉnh G. Có mặt

- Người làm chứng: Ksor S, sinh năm 1983

Trú tại: Buôn C, xã C, thị xã A, tỉnh G. Có mặt

- Người phiên dịch: Ông Rcom A, người dân tộc Jrai

Địa chỉ: Tổ 9, phường Đ, thị xã A, tỉnh G. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị B biết việc mua bán lô số đề có lợi nhuận, nên hàng ngày B vừa bán quán tạp hóa và trực tiếp bán các lô số đề từ ngày 08/09/2018 ở quán tạp hóa của gia đình mình tại Buôn C, xã C, thị xã A, tỉnh G. Khi khách đến yêu cầu ghi lô, số đề nào thì B ghi vào một tờ giấy nhỏ đưa cho khách giữ và ghi lại

vào 01 tờ giấy A4 để tổng hợp (phơi đề). Sau khi có kết quả xổ số, B lấy tờ phơi tổng hợp ra dò kết quả, số nào trúng thì đánh chữ “T” đánh dấu các con số trúng, để trả tiền trúng cho các con đề khi các con đề đến nhận tiền. B ghi bán các lô số đề cho các con đề (không xác định được nhân thân lai lịch) vào ngày 08/09/2018 dựa trên kết quả xổ số Quảng Ngãi, mở thưởng ngày 08/09/2018, thu số tiền 5.819.500 đồng (trong đó: Số tiền đầu + đuôi 1.725.000 đồng; bao lô hai số 3.854.500 đồng; số đá 240.000 đồng); số tiền các con đề trúng, B đã chi trả số tiền 5.110.000 đồng (trong đó: Số tiền đầu + đuôi 1.610.000 đồng; bao lô hai số 3.500.000 đồng); ngày 09/09/2018 B ghi bán các lô số đề cho các con đề (không xác định được nhân thân lai lịch) dựa trên kết quả xổ số Khánh Hòa mở thưởng ngày 09/09/2018 thu số tiền 3.484.500 đồng (trong đó tiền đầu+đuôi 1.932.000 đồng; bao lô hai số 1.462.500 đồng; số đá: 90.000 đồng); số tiền các con đề trúng, B đã chi trả số tiền 1.855.000 đồng (trong đó Số đầu+ đuôi 700.000 đồng; bao lô hai số 1.155.000 đồng); ngày 09/09/2018, B ghi bán các lô số đề cho các con đề (không xác định được nhân thân lai lịch) dựa trên kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng ngày 09/09/2018 thu số tiền 360.000 đồng (Số đá 250.000 đồng, bao lô hai số 110.000 đồng). Ngày 10/9/2018, B ghi bán các lô số đề cho Ksor K, Nay N và các con đề (không xác định được nhân thân lai lịch) dựa trên kết quả xổ số Phú Yên, mở thưởng ngày 10/09/2018) thu số tiền 4.031.00 đồng (trong đó tiền Số đầu+ đuôi 1.562.000 đồng; bao lô hai số 2.37900 đồng; số đá 90.000 đồng) thì bị phát hiện bắt quả tang vào lúc 15h 30’ cùng ngày (10/9/2018).

Vật chứng vụ án:

- 01(một) tờ giấy A4 (tờ phơi đề) được ký hiệu “1”, một mặt có các chữ số thể hiện việc mua bán các lô số đề theo đài xổ số kiến thiết Quảng Ngãi mở thưởng ngày 08/09/2018, mặt sau có các chữ số thể hiện việc mua bán lô số đề theo đài xổ số kiến thiết Khánh Hòa mở thưởng ngày 09/09/2018 và kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng ngày 09/09/2018; 01(một) tờ giấy A4 (tờ phơi đề) được ký hiệu “2” có các chữ số thể hiện việc mua bán lô số đề theo đài xổ số kiến thiết Phú Yên mở thưởng ngày 10/09/2018. Trên các phơi đề đều có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị B và 01(một) phơi đề có chữ số 10- 9-18;15-5Đ (trên các phơi đề đều có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị B).

- Tiền VNĐ: 6.830.000 đồng (Trong đó: 100.000 đồng của Ksor K mua số đề bị bắt quả tang; 4.031.000 đồng Nguyễn Thị B ghi bán lô số đề thu lợi bất chính vào ngày 10/9/2018; 2.699.000 đồng Nguyễn Thị B thu lợi bất chính từ việc đánh bạc (bán lô số đề) vào ngày 08 và ngày 09 tháng 9 năm 2018).

Tại bản cáo trạng số: 01/CT-VKS ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị B về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Thị B khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị B về tội “Đánh bạc”; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ

luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B với mức án từ 07 đến 10 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chồng bị tai biến miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: tịch thu, sung công quỹ nhà nước số tiền 6.830.000 đồng là tài sản do phạm tội mà có và khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội.

Ý kiến của bị cáo: Thống nhất với tội danh, điều, khoản, mức hình phạt và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như về xử lý vật chứng vụ án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng. Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chồng bị tai biến không ai chăm sóc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, những tài liệu thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Trong thời gian từ ngày 08/9/2018 đến ngày 10/9/2018 Nguyễn Thị B đã 03 lần ghi số đề cho nhiều người nhằm mục đích hưởng lợi với tổng số tiền đánh bạc được xác định là 20.660.000 đồng, thu lợi bất chính 6.730.000 đồng; trong đó có 02 lần đánh bạc đủ yếu tố cấu thành tội phạm, vào ngày 08/9/2018 đánh bạc số tiền 10.929.500 đồng và ngày 09/9/2018 đánh bạc với số tiền 5.699.500 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị B đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, như Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội.

Hành vi đánh bạc của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến khách thể an toàn công cộng và trật tự công cộng mà pháp luật hình sự bảo vệ. “Đánh bạc” là một tệ nạn xã hội mà pháp luật nghiêm cấm, bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện; đánh bạc cũng là một nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác và bị dư luận bất bình, lên án. Do đó, cần xử phạt tù bị cáo với mức án tương xứng mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo “Phạm tội 02 lần trở lên” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ “thành khẩn khai báo” và tỏ ra “ăn năn hối cải” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về hình phạt bổ sung: Đây là vụ án về vụ lợi, nhưng xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chồng bị bệnh tai biến, có 02 con không có việc làm ổn định, là lao động chính trong gia đình; miễn sự phạt bổ sung là hình phạt tiền đối

với bị cáo là hợp lý.

Đối với Nay N là người tham gia đánh bạc vào ngày 10/9/2018 nhưng chưa đủ định lượng cấu thành cơ bản về tội đánh bạc, chưa đủ các yếu tố cấu thành tội phạm, Công an thị xã A phạt hành chính đối với Nay N là đúng pháp luật.

Đối với Ksor K và những người tham gia đánh bạc cùng Nguyễn Thị B hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

[2] Về những chứng cứ buộc tội, tội danh, điều, khoản áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như về xử lý vật chứng của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với kết quả Nghị án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về ý kiến của bị cáo: Nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, điều, khoản, mức hình phạt và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “Đánh bạc”

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

2. Về vật chứng: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015

Tịch thu, sung công quỹ nhà nước 6.830.000 đồng

Đặc điểm nhận dạng vật chứng như Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 02/01/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh G.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND TX A;
- VKSND tỉnh G;
- Công an TX A;
- Chi Cục THS DS TX A;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Đình Mạnh

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp cho bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKS TX Ayun Pa;
- Công an TX Ayun Pa;
- Chi Cục THS DS TX Ayun Pa;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa